



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD1 - TTC1 - P6	CREW: Phong - VLin - THU	ETA: 09:10

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV V.A	TD1	96	1	9		115	KHOAN	Russian
2	NGUYEN THANH LUAN	TD1	97-98	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NHU BANG	TD1	55	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
4	ĐANG VIET KHOI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ĐANG KHOA	TD1	56	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	28	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG*GT	TD1	27	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
8	SMAKOV A.A	TD1	54	1	10		82	KHOAN	Russian
9	NGUYEN THIEU	TD1	35	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOAN VAN LEO	TD1	36	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TO THANH	TD1	53	1	8		64	SHINTRAC	Vietnamese
12	NG CAO CUONG*PK-PVD	TD1	31	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
13	VU DINH PHONG	TD1	33	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LANG	TD1					82	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG ANH TUAN	TD1	32	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
16	VU TOAN THANG*PK-PVD	TD1	99	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
17	LE BA PHUONG	TD1	29	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
18	LE THANH THAI	TD1	58-59	2	20		94	KHOAN	Vietnamese
19	LE QUOC BAO	TD1	400	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
20	DINH VAN TRONG	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN ĐANG LAM	TD1	34	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HUNG	P6	35-36	2	14	40	58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	20	139	1.597	0	7		CHUYEN 1 PAX TU TTC1 SANG P6
2	TTC1	0	0	0	0	45	8	1	
3	P6	1	2	14	58	40	7		
TOTAL		22	22	153	1.655	85	22		
WEIGHT KG				153	1.655	85			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RC6 - CTC1 - CLO	CREW: Hôi - CHIẾN - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN XUÂN PHONG	RC6	35	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LAC	RC6	33-34	2	18		90	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN VĂN HUYEN	RC6	41-42	2	17	25	85	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG ĐÌNH VINH	RC6	36-38	3	16		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NHÂM NGỌC THANH	RC6	39-40	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN NHÂN	RC6	43	1	3		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH SAN	CLO	30	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN HUNG	CLO	28	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	29	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	31	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	24	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	27	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	LÀ VIỆT HUNG	CLO	35	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	32	1	7	18	75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC LÝ	CLO	34	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN KIM HUNG	CLO	98	1	18		78	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN BUI QUANG	CLO	33	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	SUKHOMLIN	CLO	600	1	6		125	KHOAN	Russian
19	LÊ VĂN LÝ	CLO	25	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
20	HÀ QUỐC DUNG-PK-PVD	CLO	99	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	26	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
22	KARPUNIN	CLO	37	1	13		95	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	6	11	83	442	25	0		
2	CTC1	0	0	0	0	40	2		
3	CLO	16	16	122	1.239	18	20		
TOTAL		22	27	205	1.681	83	22		
WEIGHT KG				205	1.681	83			

GRAND TOAL: 1.969 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	TO: CLO - RP1 - RC5 - P2	CREW: Phong - VLinH - THỤ	ETA: 11:10

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ THÊ NÀNG	CLO	52	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TUÔNG LONG	CLO	59	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	61	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN LONG	CLO	50	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN ĐỒNG	CLO	54	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
6	KIRICHENKO K.P	CLO	57	1	5		78	KHOAN	Russian
7	PHẠM TIẾN VINH	CLO	62-63	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ HẢI LONG	CLO	53	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
9	BUI TRẦN NAM	CLO	60-61	2	18		66	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM NAM HAI	CLO	55	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	58	1	9		58	DVL	Vietnamese
12	DƯƠNG ĐÌNH DUNG	CLO	56	1	4		74	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUNG	CLO					83	KHOAN	Vietnamese
14	MAI TIẾN DUNG	RP1	41-43	3	17		64	HA VIET	Vietnamese
15	VU VAN TOAN	RP1	38	1	8		65	HA VIET	Vietnamese
16	HA VAN PHONG	RP1	21	1	8	30	63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	RP1	39-40	2	13		68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN NGỌC	RP1	50	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CẨM	RP1	46-47	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HIỂN	RP1	51,20	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VIỆT QUANG	RP1	44-45	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG ANH THÂN	RP1	48-49	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	13	14	93	943	0	11		CHUYỂN 8 PAX RP1 SANG RC5
2	RP1	9	16	130	586	30	3	8	
3	RC5	0	0	0	0	40	5		
4	P2	0	0	0	0	15	2		
TOTAL		22	30	223	1.529	85	21		
WEIGHT KG				223	1.529	85			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - TD1	CREW: Hồi - CHIẾN - Huy	ETA: 11:15
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC QUAN-PVD	TD1	06-07	2	14		72	KHOAN	Vietnamese
2	VAN DINH QUANG	TD1	15-16	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN PHI HUNG	TD1	02-04	3	14		85	KHOAN	Vietnamese
4	HA KHUONG DUY	TD1	22-23	2	17		60	KHOAN	Vietnamese
5	VU HUU KE	TD1	65-66	2	12		83	KHOAN	Vietnamese
6	NIKITIN	TD1	24	1	7		94	ANTOAN	Russian
7	DUONG TRUNG KIEN	TD1	21	1	10		60	DVL	Vietnamese
8	NGO THANH SON	TD1	20	1	10		73	DVL	Vietnamese
9	DO THANH HAI	TD1	11	1	9		66	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG DUC	TD1	64	1	3	60	71	KHOAN	Vietnamese
11	MAC DUC TRONG	TD1	05	1	6		60	SHINTRAC	Vietnamese
12	HO MINH TAN	TD1	01,67	2	12		90	SHINTRAC	Vietnamese
13	YDUNG HMOK	TD1	12	1	8		64	SHINTRAC	Vietnamese
14	LE THANH BIEN	TD1	13	1	7		75	SHINTRAC	Vietnamese
15	THACH HOANG DIEU	TD1	10	1	6		45	SHINTRAC	Vietnamese
16	LE MA LUONG	TD1	17	1	6		50	SHINTRAC	Vietnamese
17	VU VAN TUYEN	TD1	08-09	2	12		70	SHINTRAC	Vietnamese
18	HO VAN DUONG	TD1	18-19	2	11		68	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	0	0	0	0	0	1	2	CHUYEN 2 PAX CTK3 SANG TD1
2	TD1	18	27	178	1.251	60	21		
TOTAL		18	27	178	1.251	60	22		
WEIGHT KG				178	1.251	60			

GRAND TOTAL: 1.489 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/05/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5	7:25	22	0		22	0	
2		TD2+VSP01	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
3		TD2	9:25	22	0		22	0	
4		P5+TD2	9:25	2+20	0+0		1+21	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	TO: P5	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - thông	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P5					78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P5					68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HẬU	P5	05	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	NHÂM ĐỨC QUANG	P5	38	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM QUANG NGU	P5	08	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
6	CAO ĐÌNH THÀNH	P5	12	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ XUÂN TUYẾN	P5					63	KHOAN	Vietnamese
8	NG XUÂN QUANG-PVDT	P5	40	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH TRUNG NGHĨA	P5	13	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HÙNG	P5	39	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN HÒA	P5	37	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	VANEEV DIMITRY	P5	35	1	12		100	KHOAN	Russian
13	PHẠM VĂN THIẾT	P5	34	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	P5	09-10	2	19		53	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH TÌNH	P5	03	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀU CAO KHANG	P5	06	1	9		52	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY LINH	P5	07	1	8		88	KHOAN	Vietnamese
18	NG HOANG OANH-PVDT	P5	01	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN TUẤN LONG	P5	33	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
20	NG TRỌNG TUẤN*PK-PVD	P5	36	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	VÔ VĂN HÙNG	P5	02	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGÔ HỒNG GIANG	P5	04	1	8		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	22	20	133	1.553	0	22		
TOTAL		22	20	133	1.553	0	22		
WEIGHT KG				133	1.553	0			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: TD2 - VSP01	CREW: Nam - N.Anh - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A.N	TD2	66	1	5		110	KHOAN	Russian
2	KROKHALEV M.A	TD2	64	1	4		84	KHOAN	Russian
3	BUI HUU HONG	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
4	VUONG DINH LIEN	TD2	68	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
5	LE VIET CHIEN	TD2	65	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	LE HUY TUYEN	TD2	70	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
7	DO VAN HUNG	TD2	01	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUNG HUNG	TD2	17	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VAN HOANG	TD2	63	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VAN LOI	TD2	71	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HAI	TD2	05	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VIET LINH	TD2	69	1	7	100	92	KHOAN	Vietnamese
13	DOROSHENKO M.K	TD2	06	1	10		95	KHOAN	Russian
14	LY ANH TUAN	TD2	16	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN BAC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
16	DO VAN CUONG	TD2	03	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG DINH THANG	TD2	07	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
18	LE HAI SON	TD2	72	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
19	BUI VAN CHINH	TD2	67	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
20	NGO VAN BAC	TD2	04	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
21	NG HUU NAM*PK-PVD	TD2	08	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
22	BUI NGOC DO	TD2	02	1	2		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	20	111	1.708	100	21		
2	VSP01	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	20	111	1.708	100	22		
WEIGHT KG				111	1.708	100			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:35
FLIGHT: 3	TO: TD2	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - thông	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRỊNH QUANG HUY	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	TD2	20	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH ĐỨC	TD2	15-16	2	6		60	KHOAN	Vietnamese
4	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	18	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
5	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	09	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÌNH DUY HAI	TD2	12	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	24	1	3	35	78	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN DIỆP	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
9	NG KHẮC HÀ TRUNG	TD2	07	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VINH THUẬT	TD2	17	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	08	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	23	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ VĂN THUY	TD2	19	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD2	22	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	10	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TUÂN ANH	TD2	06	1	10	50	64	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC THÀNH	TD2	14	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	HÀ VĂN LINH	TD2	11	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ THẬP TOÀN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VĂN NAM	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	21	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
22	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	13	1	3		50	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	19	93	1.562	85	22		
TOTAL		22	19	93	1.562	85	22		
WEIGHT KG				93	1.562	85			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: P5 - TD2	CREW: Nam - N.Anh - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HAI LONG	P5	14	1	15		80	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN HONG DUONG	P5	15	1	4	40	55	PSV	Vietnamese
3	MAI ĐỨC THÂN	TD2	20	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN CHI ĐỨC	TD2	26	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO VĂN TIEN-PVD	TD2	39	1	7		53	KHOAN	Vietnamese
6	NG MẠNH CUONG-PVDT	TD2	45	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN THANH-PVDT	TD2	34	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ THANH DUONG	TD2	31	1	9		77	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NGHIA	TD2	32	1	12		85	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH LY	TD2	23	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO HỒNG VĂN	TD2	24-25	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
12	CAO VĂN GIAP	TD2	36	1	12		85	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ NGỌC CUONG	TD2	41-42	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN QUANG SÁNG	TD2	37-38	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HÙNG	TD2	43-44	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	HÀ VĂN NHIỆM	TD2	33	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐÀO HỮU TUYẾN	TD2	27-28	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI MẠNH HÀ	TD2	29-30	2	15		92	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ QUANG DUONG	TD2	21	1	16	12	74	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM TẤT LỘC	TD2	18-19	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THUY	TD2	35	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ MINH DUC	TD2	40	1	10		92	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	2	2	19	135	40	1		
2	TD2	20	27	239	1.428	12	21		
TOTAL		22	29	258	1.563	52	22		
WEIGHT KG				258	1.563	52			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/05/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+BK5+TD3	7:25	0+0+18	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYEN 3 BK4 BK5
2		TD5+RP2+TTC2	7:25	18+4+0	0+0+0		17+1+4	0+0+0	
3		BK6+TD3+TD5	9:25	3+12+7	0+0+0		1+11+10	0+0+0	
4		TD2+P1+TD3	9:25	6+9+6	0+0+0		5+2+11	0+0+0	

TTĐDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK4 - BK5 - TD3	CREW: Phong - NPhú - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OLEYNIK IVAN	TD3	10	1	5		72	KHOAN	Russian
2	VŨ ANH HIẾU	TD3	11	1	15		62	SCHLUMB	Vietnamese
3	TRẦN HỮU THỌ	TD3	05	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	12-13	2	7		95	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ LONG PHI	TD3	07	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TIẾN DŨNG	TD3	02	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	24-25	2	15	39	75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG CÔNG THỊNH	TD3	03	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	25	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	06	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN KHUÔNG	TD3					87	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ SỸ HÙNG	TD3	01	1	4	50	65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	08-09	2	10		76	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG XUÂN LŨU	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN SƠN HẢI	TD3	15	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN THẠNG LỢI	TD3	24	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	04	1	3		100	KHOAN	Vietnamese
18	HUỲNH AI HỮU	TD3	14	1	5		79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	0	0	0	0	20	0	3	CHUYỂN 3 PAX TỪ BK4 SANG BK5
2	BK5	0	0	0	0	40	1		
3	TD3	18	19	104	1.344	89	21		
TOTAL		18	19	104	1.344	149	22		
WEIGHT KG				104	1.344	149			

GRAND TOTAL: 1.597 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5 - RP2 - TTC2	CREW: VThắng - MTHAO - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN DUNG	TD5	14	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
2	LUU VAN PHONG	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
3	UVAISHOV A.X	TD5	06-08	3	20		100	KHOAN	Russian
4	LE VAN HIEN	TD5	09	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
5	VU XUAN ANH-PVD	TD5	05	1	6	20	58	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN ANH	TD5	10	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NHAT QUANG	TD5	02	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MINH HIEU	TD5	11	1	9		84	KHOAN	Vietnamese
9	LAM VAN HANH	TD5	15	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUANG HUNG	TD5	16	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG ANH	TD5	04	1	7		70	AN TOAN	Vietnamese
12	TRINH HOANG KHANH	TD5	13	1	8		86	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH VAN SU	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
14	VI HUNG CUONG	TD5	12	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUY KHANH	TD5					78	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN THUONG VU	TD5	03	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VIET BE NGHIA	TD5	17-18	2	20		71	BAKER HU	Vietnamese
18	LE TRUNG SON	TD5	01	1	6		78	D-HANH	Vietnamese
19	HOANG VIET THUAN	RP2	68	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN SY	RP2	44	1	18		78	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VIET LOC	RP2	45-46	2	17	50	56	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN MANH DUNG	RP2	47-48	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	18	127	1.379	20	17		
2	RP2	4	6	62	267	50	1		
3	TTC2	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		22	24	189	1.646	70	22		
WEIGHT KG				189	1.646	70+25			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	TO: BK6 - TD3 - TD5	CREW: Phong - NPhú - NNam	ETA: 11:10

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SÚ HỮU QUỲNH	BK6	34	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	BK6	35	1	10	40	61	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG THANH BINH	BK6	32-33	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
5	VU NGOC THANH	TD3	85	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	94	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	86	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ THẾ HÙNG	TD3	32	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HỮU HẠU	TD3	93	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC VIỆT	TD3	88	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	91	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM MINH TRỌNG-PVDT	TD3	97	1	10	47	68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NHÂN	TD3	90	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VĂN NGHĨA	TD3	87	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TRỌNG TUYẾN*TT	TD3	89	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	40	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
17	DO VAN QUANG	TD5	39	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
18	TRƯƠNG MINH KHANH	TD5	36	1	12		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	37-38	2	10	75	63	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD5	33	1	10		60	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG LÂN	TD5	34	1	5		71	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CÂN	TD5	35	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	3	4	33	193	40	1		
2	TD3	12	11	72	859	47	11		
3	TD5	7	8	61	492	75	10		
TOTAL		22	23	166	1.544	162	22		
WEIGHT KG				166	1.544	162			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	TO: TD2 - P1 - TD3	CREW: VThắng - MTHAO - DTùng	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI LAM	TD2	25	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN NAM TRUNG	TD2	27	1	11	112	90	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD2	26	1	10		64	CODIEN	Vietnamese
4	DUƠNG HỮU THUẬN	TD2	01	1	14		63	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUỐC	TD2	30-31	2	14		71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LỢI	TD2	28-29	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
7	TA NGỌC THANH	P1	36	1	19	23	74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN DUY TIẾN	P1	31-32	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THAI BÌNH	P1	37-38	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC DINH	P1	39-41	3	20		78	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM MINH VŨ	P1	34-35	2	20	25	79	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO ĐÌNH NHẬT MINH	P1	33	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ HOANG TIẾN	P1	29	1	15		81	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VĂN HỒNG	P1	44-45	2	15		98	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG THẠNG	P1	30	1	7		84	PSV	Vietnamese
16	BUI MANH PHUC	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HÙNG	TD3					74	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐO TIẾN DUNG	TD3					54	DVL	Vietnamese
19	LÊ VĂN THẮNG	TD3					68	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN PHÚ QUANG	TD3					61	PSV	Vietnamese
21	ĐO XUÂN CHINH	TD3					67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	6	8	73	411	112	5		
2	P1	9	15	126	712	48	2		
3	TD3	6	0	0	397	0	11		
TOTAL		21	23	199	1.520	160	18		
WEIGHT KG				199	1.520	160			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/05/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+P5+CTK3	7:25	17+2+3	0+0+0		5+6+11	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: MRM - P5 - CTK3	CREW: Vận - XTrưởng - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUSTAVOV	MRM	11	1	10		110	D-HANH	Russian
2	PUGACHEV E.V.	MRM	09-10	2	15		110	KHOAN	Russian
3	TRAN DAI DUONG	MRM	02	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
4	DINH QUANG CHIEN	MRM	16	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN QUANG UT	MRM	13-14	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY MINH	MRM	20-21	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THONG	MRM	18-19	2	15		64	KHOAN	Vietnamese
8	LUONG NGOC HOANG	MRM	23	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
9	CHU DINH THANH	MRM	22	1	9		50	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN GIANG	MRM	15	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGOC TIEN	MRM	24	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
12	LE THANH TU	MRM	17	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN HUY	MRM	03-04	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC CUONG	MRM	12	1	9		62	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN QUOC CUONG	MRM	06	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
16	LAM VAN KIEN	MRM	05	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DUONG	MRM	07-08	2	17		85	KHOAN	Vietnamese
18	LE MINH HOANG	P5	20-21	2	15	18	85	NIPI	Vietnamese
19	NGUYEN VIET HUNG	P5	19	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TRAN ĐỨC MINH	CTK3	61,800	2	12	24	80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRI TIN	CTK3	60	1	5	60	70	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	17	23	181	1.282	0	5		+ 1NB các vé
2	P5	2	3	20	157	18	6		
3	CTK3	2	3	17	150	84	11		
TOTAL		21	29	218	1.589	102	22		
WEIGHT KG				218	1.589	102			

GRAND TOTAL: 1.909 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN